

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DSST

Ngày: 29/01/2018

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phong - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà 206, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T – sinh năm 1979; Địa chỉ: số nhà 385, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T, chị T cùng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 1996 anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp và cũng từ năm 2006 anh T và chị T không còn chung sống với nhau. Nay anh cũng xác định là không còn tình cảm với chị T do đó anh T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 11/12/1997; Nguyễn Hoàng Hải D, sinh ngày 20/11/2002 và Nguyễn Thị Lam L, sinh ngày 16/11/1999 hiện con chung Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Thị Lam L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Hoàng Hải D chưa trưởng thành và hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.
- Về nợ chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị T thống nhất theo lời trình bày của anh T về thời gian chung sống và thời gian xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp cho nên vào năm 2006 chị và anh T phát sinh mâu thuẫn cũng từ năm 2006 chị và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay chị cũng xác định là không còn tình cảm với anh T nên anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị T thống nhất theo lời trình bày của anh T, do hai con chung Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Thị Lam L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Hoàng Hải D chưa trưởng thành và hiện đang sống với anh T, chị T đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Hải D cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của anh và chị T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh T và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 1996, không tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến 2006, anh T và chị T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh T và chị T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong thời gian còn sống chung với nhau giữa anh T và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, anh, chị không còn niềm tin đối với nhau. Từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau và không có ý định hàn gắn quan hệ chồng. Vì vậy, anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

3. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T đều thống nhất trong quá trình anh chị chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị có 03 con chung là Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 11/12/1997, Nguyễn Thị Lam L, sinh ngày 16/11/1999 và Nguyễn Hoàng Hải D, sinh ngày 20/11/2002, hiện hai con chung Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Thị Lam L đã trưởng thành nên anh T và chị T

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Hoàng Hải D chưa trưởng thành và hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hoàng Hải D và chị T cũng đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Hải D cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của anh T và chị T đúng theo qui định của pháp luật do đó giao cháu Nguyễn Hoàng Hải D cho anh T Tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị T có yêu cầu khác là có căn cứ để chấp nhận.

Không ai được quyền ngăn cản chị T đến thăm nom chăm sóc con chung.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Nguyễn Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2/. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T về việc nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Hoàng Hải D, sinh ngày 20/11/2002 cho anh T nuôi

dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị T có yêu cầu cầu khác. Chị T không cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

4/. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02751 ngày 22/12/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. .

5/. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.^(P)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong